



PSI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở chính:

Website: <http://www.psi.vn>

Email: dvkh@psi.vn

Hotline:

**HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH
KÝ QUỸ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**

Số HĐ:...../CKDK

Hôm nay, ngày tháng năm 20....., Các Bên gồm:

PSI: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ (PSI)/ CHI NHÁNH

Địa chỉ:

GCN ĐKKD: Số do cấp ngày

Điện thoại:.....Fax:

Đại diện: Ông (Bà) Chức vụ:

Theo Giấy ủy quyền số ngày/.../20

Tài khoản số: tại:

(Sau đây gọi là “PSI”)

KHÁCH HÀNG: ÔNG/BÀ

Địa chỉ:

CMTND/thẻ căn cước/hộ chiếu/GCNĐKKD: Số, Ngày cấp:...../...../....., Nơi cấp:

Số tài khoản giao dịch chứng khoán: tại Công ty CP Chứng khoán Dầu khí

Số tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng: 045

Điện thoại:.....Fax:.....

Mobile:Email:.....

(Sau đây gọi là “Khách hàng”)

Hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ Chứng khoán niêm yết với những điều kiện và điều khoản được quy định dưới đây:

XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Bằng việc ký tên dưới đây, khách hàng xác nhận đã đọc, được giải thích, hiểu rõ và đồng ý toàn bộ nội dung quy định tại Hợp đồng này, đồng thời xác nhận hoàn toàn tự nguyện đăng ký các dịch vụ bên dưới.

Chữ ký mẫu của Khách hàng		Khách hàng (ký, ghi rõ họ tên)
Chữ ký 1	Chữ ký 2	

PHẦN DÀNH CHO CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Nhân viên MGPTKH (ký, ghi rõ họ tên)	Nhân viên giao dịch (ký, ghi rõ họ tên)	Trưởng phòng GD/DVCK (ký, ghi rõ họ tên)	Đại diện PSI (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA CHUNG

- 1.1 **GDKQ:** là giao dịch mua chứng khoán của khách hàng có sử dụng tiền vay của công ty chứng khoán và sử dụng các chứng khoán khác có trong tài khoản và chứng khoán mua được bằng tiền vay để cầm cố.
- 1.2 **Tài khoản chứng khoán thông thường (TK CKTT):** Là tài khoản giao dịch chứng khoán của **Khách hàng** mở tại **PSI** để giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật và của **PSI** nhưng không sử dụng tiền vay của **PSI**, còn gọi là tài khoản chính.
- 1.3 **Tài khoản giao dịch ký quỹ (TK GDKQ):** Là tài khoản của **Khách hàng** mở tại **PSI** để thực hiện các giao dịch ký quỹ chứng khoán.
- 1.4 **Chứng khoán niêm yết (CKNY):** là các loại cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ được cấp phép niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).
- 1.5 **Danh mục chứng khoán niêm yết chấp nhận ký quỹ (“Danh mục KQ”):** Là danh sách các mã CKNY mà **PSI** chấp nhận hợp tác đầu tư trong một thời kỳ nhất định và trên cơ sở danh sách các mã CKNY được phép ký quỹ do Sở giao dịch chứng khoán công bố. Danh mục này được công bố tại trang web của **PSI** hoặc thông báo trên bản tin tại các PGD của **PSI**.
- 1.6 **Giao dịch ký quỹ chứng khoán niêm yết (GDKQ):** là việc **Khách hàng** thực hiện mua chứng khoán bằng một phần tài sản của **Khách hàng** và một phần tiền vay của **PSI**, số tài sản của **Khách hàng** thực hiện góp vốn được xác định theo cách tính Tổng tài sản ước tính (theo định nghĩa dưới đây).
- 1.7 **Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ CKNY (“Hợp đồng”):** là Hợp đồng này, thể hiện việc **Khách hàng** chấp thuận mở tài khoản phụ gọi là tài khoản GDKQ để thực hiện các giao dịch ký quỹ, đồng thời là hợp đồng tín dụng cho các khoản vay trên tài khoản GDKQ, trong đó quy định các điều khoản giữa các Bên khi thực hiện GDKQ.
- 1.8 **Giá trị khoản vay ký quỹ (GTV):** là phần giá trị **PSI** cho **Khách hàng** vay tính bằng tổng giá trị tiền thiếu từ lệnh đặt mua của **Khách hàng** tại thời điểm **PSI** thao tác hạch toán trên hệ thống để thanh toán tiền mua vào ngày **Khách hàng** thực hiện giao dịch.
- 1.9 **Dư nợ ký quỹ (DNKQ):** là tổng số tiền **Khách hàng** nợ **PSI** trên tài khoản GDKQ.
- 1.10 **Thời hạn vay:** là khoảng thời gian được bắt đầu tính từ ngày **PSI** giải ngân cho **Khách hàng** vay theo Hợp đồng đến khi **PSI** nhận được phần hoàn trả đầy đủ khoản nợ và lãi vay tương ứng với khoản vay từ **Khách hàng**. Thời hạn vay đối với mỗi khoản vay tối đa không quá 90 ngày và có thể được gia hạn nếu **Khách hàng** đề nghị và được **PSI** chấp thuận tối đa không quá 90 ngày.
- 1.11 **Lãi suất cho vay (“LS”):** Là tỷ lệ lợi nhuận cố định **Khách hàng** phải trả cho **PSI** tính trên số dư nợ còn lại của một khoản vay cụ thể, tính theo đơn vị %/ngày, không phụ thuộc vào kết quả đầu tư của **Khách hàng**. Tỷ lệ lãi suất cho vay do **PSI** quy định, áp dụng cho các khoản vay trong từng thời kỳ nhất định, và được **PSI** thông báo tới **Khách hàng** tại các PGD của **PSI**.
- 1.12 **Tiền lãi (“Tiền lãi”):** là số tiền **PSI** được nhận hàng tháng hoặc khi tất toán một phần hoặc toàn bộ một khoản vay, được tính trên số dư nợ còn lại của một khoản vay cụ thể, thời hạn vay thực tế, lãi suất cho vay, không phụ thuộc vào kết quả đầu tư của **Khách hàng**.
- 1.13 **Giá thị trường của chứng khoán được đánh giá (GTT):** là giá tham chiếu tại HNX hoặc HOSE của Chứng khoán tại ngày xác định giá.
- 1.14 **Giá trị thị trường của chứng khoán (GTTT):** là tích của Giá thị trường của chứng khoán nhân với khối lượng của Chứng khoán đó.
- 1.15 **Tỷ lệ định giá chứng khoán (SSR):** là tỷ lệ phần trăm theo quy định của **PSI** tính trên giá trị thị trường của mỗi mã chứng khoán ký quỹ làm cơ sở để xác định giá trị chứng khoán ước tính và cơ sở để tính giá trị cho vay tối đa. Tỷ lệ được áp dụng khi **PSI** thông báo tại các phòng giao dịch và/hoặc trên trang web và/hoặc trên hệ thống giao dịch trực tuyến của **PSI**.
- 1.16 **Giá trị chứng khoán ước tính (GTCKUT):** là tích của GTTT với SSR.
- 1.17 **Tổng tài sản ước tính (TTSUT):** bao gồm tiền (tiền mặt, tiền chò về được đánh giá) cộng với Tổng giá trị chứng khoán ước tính.
- 1.18 **Tỉ lệ vay chứng khoán:** là tỉ lệ phần trăm theo quy định của **PSI** áp dụng đối với mỗi loại chứng khoán trong danh mục cho vay của **PSI**, làm cơ sở để xác định giá trị cho vay tối đa. Tỷ lệ được áp dụng khi **PSI** thông báo tại các phòng giao dịch và/hoặc trên trang web và/hoặc trên hệ thống giao dịch trực tuyến của **PSI**.
- 1.19 **Tổng giá trị định giá tài sản của khách hàng (TTSĐG):** là tổng giá trị định giá tài sản trên tài khoản GDKQ của khách hàng được tính bằng tích của tổng GTCKUT nhân với CER.
- 1.20 **Tài sản thực có của khách hàng trên tài khoản giao dịch ký quỹ (TSTC):** được tính bằng Tổng tài sản ước tính- Dư nợ ký quỹ.
- 1.21 **Tỷ lệ ký quỹ ban đầu:** Là tỷ lệ giữa TSTC (trước khi thực hiện giao dịch) so với giá trị hợp đồng giao dịch (dự kiến thực hiện).
- 1.22 **Tỷ lệ ký quỹ (CMR):** Là tỷ lệ giữa tài sản thực có so với tổng tài sản ước tính trên tài khoản giao dịch ký quỹ

- 1.23 Tỷ lệ ký quỹ giả lập (CMR giả lập):** Là tỷ lệ giữa tài sản thực có so với tổng tài sản ước tính trên tài khoản giao dịch ký quỹ, đồng thời tính theo tỷ lệ thực hiện quyền và giá cơ sở để tính là giá tham chiếu của ngày giao dịch liền trước 3 ngày làm việc so với ngày giao dịch không hưởng quyền.
- 1.24 Tỷ lệ duy trì tối thiểu (MMR):** là tỷ lệ giới hạn mà CMR/CMR giả lập không được phép thấp hơn để đảm bảo tình trạng an toàn đối với khoản ký quỹ của **Khách hàng**.
- 1.25 Tỷ lệ nguy hiểm (LMR) :** là mốc xác định tình trạng tài khoản giao dịch chứng khoán của **Khách hàng** ở mức nguy hiểm.
- 1.26 Tỷ lệ xử lý (FMR):** là ngưỡng bắt buộc bán chứng khoán để thu hồi vốn góp và duy trì trạng thái an toàn tài khoản giao dịch chứng khoán của **Khách hàng**.
- 1.27 Tình trạng cảnh báo mức 1:** là tình trạng khi mà tại thời điểm đó CMR hoặc CMR giả lập nhỏ hơn Tỷ lệ (MMR) và lớn hơn hoặc bằng Tỷ lệ (LMR): $LMR < CMR (CMR \text{ giả lập}) \leq MMR$.
- 1.28 Tình trạng cảnh báo mức 2:** là tình trạng khi mà CMR hoặc CMR giả lập nhỏ hơn LMR và lớn hơn Tỷ lệ xử lý (FMR) : $FMR < CMR (CMR \text{ giả lập}) < LMR$.
- 1.29 Tình trạng xử lý:** là tình trạng khi mà CMR hoặc CMR giả lập xuống thấp hơn hoặc bằng FMR: $CMR (CMR \text{ giả lập}) \leq FMR$.
- 1.30 Tình trạng chứng khoán mất quyền giao dịch:** là tình trạng Chứng khoán trong TK GDKQ bị đình chỉ giao dịch theo thông báo của cơ quan quản lý có thẩm quyền.
- 1.31 Tình trạng chứng khoán bị điều chỉnh giá:** là trường hợp giá tham chiếu của Chứng khoán trong TK GDKQ bị cơ quan quản lý thị trường chứng khoán điều chỉnh do sở hữu quyền mua chứng khoán phát hành thêm, hoặc sở hữu quyền nhận cổ tức, hoặc do bất kỳ nguyên nhân nào khác.
- 1.32 Thông báo:** là hình thức PSI gửi các thông tin tới Khách hàng như thông tin về danh mục giao dịch ký quỹ, thông tin giao dịch, sao kê tài khoản, thông báo gọi ký quỹ bổ sung ...theo các phương thức theo lựa chọn của PSI: gửi qua đường bưu điện, hoặc qua đường điện thoại, hoặc fax, hoặc gửi email, hoặc đăng tải trên website của PSI hoặc theo hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.
- 1.33 Chứng từ dữ liệu điện tử:** là thông điệp dữ liệu về hoạt động nghiệp vụ chứng khoán được tạo ra, được gửi đi, được nhận và được lưu trữ bằng phương tiện điện tử trong hoạt động giao dịch chứng khoán trực tuyến.

ĐIỀU 2. NỘI DUNG GIAO DỊCH KÝ QUỸ

- 2.1 PSI** sẽ cho **Khách hàng** vay tiền để thực hiện giao dịch ký quỹ trong hạn mức cho vay thuộc Danh mục ký quỹ với Thời hạn vay, Tỷ lệ cho vay do **PSI** quy định cụ thể tại từng thời điểm.
- 2.2 PSI** thực hiện việc quản lý TK GDKQ của **Khách hàng** bao gồm nhưng không giới hạn trong việc phong toả/giải toả tài khoản, theo dõi, giám sát, cảnh báo/xử lý Tình trạng biến động tỷ lệ ký quỹ hiện thời, tỷ lệ ký quỹ giả lập và các quyền khác của **PSI** quy định cụ thể trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 3. THỰC HIỆN MUA CHỨNG KHOÁN VÀ GIẢI NGÂN CHO VAY

Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này, tại bất kỳ thời điểm nào, **Khách hàng** thực hiện mua chứng khoán và **PSI** thực hiện cho vay theo nguyên tắc sau:

- 3.1 Khách hàng** chủ động quyết định mua chứng khoán thiếu tiền dựa trên sức mua được tính toán trên hệ thống giao dịch của **PSI**. Chứng khoán sau khi mua được tính vào chứng khoán sở hữu của **Khách hàng**.
- 3.2 Khách hàng** cam kết khi thực hiện lệnh mua chứng khoán đã nắm rõ danh mục chứng khoán ký quỹ, đồng thời hiểu rõ cách tính CMR của **PSI** cũng như việc chọn mã chứng khoán đặt lệnh làm ảnh hưởng rất lớn tới CMR khi **Khách hàng** chọn mua mã chứng khoán không thuộc danh mục hoặc có tỷ lệ đánh giá thấp. Ngay khi tỷ lệ CMR đạt đến tỷ lệ xử lý do việc đặt lệnh của khách hàng, **PSI** sẽ tiến hành bán xử lý chứng khoán theo Điều 5 của Hợp đồng này.
- 3.3** Căn cứ giá trị lệnh mua khớp trong ngày trên tài khoản của **Khách hàng**, **PSI** thực hiện chuyển tiền cho vay tương ứng với khoản chênh lệch giữa số dư tiền mặt được phép giao dịch trên tài khoản của **Khách hàng** và giá trị lệnh mua đã khớp cộng với các khoản phí phát sinh liên quan đến giao dịch mua vào tài khoản giao dịch chứng khoán của. Thời hạn cho vay theo từng lần **PSI** giải ngân cho **Khách hàng** vay là 90 ngày tính từ ngày **PSI** chuyển tiền cho vay vào tài khoản giao dịch chứng khoán của **Khách hàng**.
- 3.4 Khách hàng** mặc nhiên thừa nhận khoản tiền **PSI** chuyển vào tài khoản giao dịch chứng khoán của **Khách hàng** là khoản tiền vay theo Hợp đồng này. Thời gian sử dụng bắt đầu được tính từ khi **PSI** chuyển tiền vào tài khoản giao dịch chứng khoán của **Khách hàng**. **Khách hàng** mặc nhiên thừa nhận quyền của **PSI** trong việc tự động trích từ tài khoản giao dịch chứng khoán của **Khách hàng** khi tiền phát sinh tăng trên tài khoản giao dịch ký quỹ để thu hồi các khoản tiền **PSI** cho vay và tiền lãi theo trật tự ưu tiên về thời gian, tức là các khoản vay có thời gian đến hạn gần nhất sẽ được ưu tiên thanh toán trước.

ĐIỀU 4. QUẢN LÝ TÀI KHOẢN

Ngay sau khi các Bên đồng ý ký kết Hợp đồng này và **Khách hàng** sử dụng tiền vay của **PSI**, **PSI** sẽ ngay lập tức tiến hành các biện pháp quản lý TK GDKQ như sau:

- 4.1 **PSI** chịu trách nhiệm hàng ngày theo dõi biến động CMR và/hoặc CMR giả lập của TK GDKQ.
- 4.2 **PSI** quy định giá trị các tỷ lệ MMR, LMR, FMR và **PSI** cam kết sử dụng các tỷ lệ này cùng CMR và/hoặc CMR giả lập để quản lý, theo dõi, giám sát và thực hiện bán xử lý trên TK GDKQ.
- 4.3 Khi TK GDKQ của **Khách hàng** rơi vào các trường hợp quy định tại khoản 1.27, khoản 1.28 Điều 1, **PSI** ngay lập tức tiến hành hành phong tỏa TK GDKQ, không cho phép **Khách hàng** rút tiền, chuyển khoản từ TK GDKQ cũng như không cho phép đặt lệnh mua mới. Ngay khi TK GDKQ rơi vào trường hợp quy định tại khoản 1.29 Điều 1, **PSI** thực hiện Bán chứng khoán xử lý theo Điều 5 của Hợp đồng này.
- 4.4 Khi Tình trạng chứng khoán rơi vào trường hợp quy định tại khoản 1.30 Điều 1: ngay sau khi có thông báo của Tổ chức có thẩm quyền về việc chứng khoán mất quyền giao dịch, **PSI** thực hiện điều chỉnh tỷ lệ đánh giá về 0% trên hệ thống giao dịch, tính toán lại CMR và/hoặc CMR giả lập, đánh giá lại tình trạng tại khoản và tiến hành các biện pháp xử lý theo Điều 5 của Hợp đồng này khi TK GDKQ rơi vào tình trạng cảnh báo hoặc xử lý.
- 4.5 Khi Tình trạng chứng khoán rơi vào trường hợp quy định tại khoản 1.31 Điều 1: ngay sau khi có thông báo của cơ quan quản lý có thẩm quyền về việc điều chỉnh giá tham chiếu, **PSI** tính toán CMR giả lập, đánh giá lại Tình trạng biến động mạnh và tiến hành các biện pháp xử lý theo Điều 5 của Hợp đồng này.
- 4.6 Khi **PSI** điều chỉnh tỷ lệ SSR nếu tài khoản ký quỹ của **Khách hàng** rơi vào tình trạng cảnh báo hoặc xử lý mà sau 1 ngày làm việc kể từ ngày **PSI** thông báo điều chỉnh, **Khách hàng** vẫn không có biện pháp điều chỉnh tăng CMR và/hoặc CMR giả lập theo khoản 5.1 của Điều 5 thì **PSI** sẽ tiến hành các biện pháp xử lý theo khoản 5.2 Điều 5 của Hợp đồng này vào bất kỳ thời điểm nào.
- 4.7 Khi Sở giao dịch công bố chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ, chậm nhất sau 01 ngày làm việc kể từ khi Sở giao dịch công bố trên Website của Sở, **PSI** thực hiện điều chỉnh tỷ lệ cho vay về 0% và điều chỉnh tỉ lệ định giá trên hệ thống giao dịch, đồng thời tính toán lại CMR và/hoặc CMR giả lập, đánh giá lại tình trạng tại khoản và tiến hành các biện pháp xử lý theo Điều 5 của Hợp đồng này khi TK GDKQ rơi vào tình trạng cảnh báo hoặc xử lý.

ĐIỀU 5. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ TÀI KHOẢN

- 5.1 Khi TK GDKQ của **Khách hàng** rơi vào trường hợp Quy định tại khoản 1.27, khoản 1.28, khoản 1.29 Điều 1 đối với tỷ lệ ký quỹ hiện thời/Tỷ lệ ký quỹ giả lập tương ứng với các tỷ lệ đánh giá khách hàng như sau:

Tỷ lệ ký quỹ ban đầu (%)	MMR	LMR	FMR
50	40	35	30

Khách hàng lựa chọn một trong các biện pháp để điều chỉnh giảm CMR và/hoặc CMR giả lập dưới đây:

- 5.1.1 Bán chứng khoán trong TK GDKQ và tất toán một hoặc nhiều khoản vay ký quỹ mà **Khách hàng** đang nợ **PSI**.
- 5.1.2 Nộp bổ sung tiền mặt và đồng ý cho **PSI** phong tỏa số tiền này.
Khách hàng có quyền lựa chọn bất cứ biện pháp nào hoặc sử dụng hơn 01 biện pháp trong số những biện pháp nói trên để khắc phục tình trạng cảnh báo nhưng phải đảm bảo sau khi thực hiện CMR và/hoặc CMR giả lập không nhỏ hơn MMR theo quy định của **PSI** tại Khoản 5.1 Điều 5.
PSI chỉ chấp nhận biện pháp điều chỉnh giảm CMR và/hoặc CMR giả lập của **Khách hàng** khi **Khách hàng** thực hiện nộp bổ sung tiền hoặc bán chứng khoán của **Khách hàng** và chỉ số CMR và/hoặc CMR giả lập đã được thay đổi cao hơn MMR theo quy định của **PSI**.

- 5.2 Xử lý TK GDKQ

- 5.2.1 **PSI** tự động bán Chứng khoán trong tài khoản của **Khách hàng**, loại chứng khoán, số lượng chứng khoán, giá bán chứng khoán do **PSI** quyết định để đảm bảo thu hồi đủ giá trị khoản vay và tiền lãi tương ứng khi tài khoản của **Khách hàng** rơi vào trường hợp quy định tại khoản 1.29 Điều 1 và/ hoặc các khoản ký quỹ đã hết thời hạn hợp tác và/ hoặc **Khách hàng** không thanh toán lãi định kỳ cho **PSI** theo quy định tại khoản 6.4 Điều 6 của Hợp đồng này. Ngay khi tiền bán chứng khoán về đến tài khoản của **Khách hàng**, **PSI** tự động hoàn trả toàn bộ phần giá trị khoản vay và tiền lãi tương ứng mà **PSI** đã cho **Khách hàng** vay trên tài khoản chứng khoán của **Khách hàng**.

- 5.2.2** Và/hoặc **PSI** tự động chuyển tài sản từ tài khoản chính (nếu có) sang tài khoản GDKQ để khắc phục tình trạng cảnh báo hoặc xử lý của Khách hàng và/hoặc đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của tài khoản GDKQ.
- 5.2.3** Các biện pháp xử lý tiếp tục được tiến hành đến khi CMR và/hoặc CMR giả lập tăng lên cao hơn MMR.
- 5.2.4** Sau khi thực hiện các biện pháp xử lý nói trên, **PSI** thông báo kết quả xử lý cho **Khách hàng** nhưng không cần có xác nhận đã nhận được thông báo của **Khách hàng**. Thông báo có thể thực hiện qua email, qua tin nhắn SMS, theo địa chỉ gửi thư hoặc gọi điện trực tiếp theo số điện thoại mà **Khách hàng** đăng ký tại Hợp đồng này.

ĐIỀU 6: THU HỒI TIỀN VAY VÀ TIỀN LÃI CHO VAY CỦA PSI

- 6.1** Giá trị khoản vay và tiền lãi của **PSI** được hoàn trả cho **PSI** trong các trường hợp sau:
- 6.1.1** **Khách hàng** chủ động bán chứng khoán trong TK GDKQ để tất toán một phần hoặc toàn bộ giá trị khoản vay và tiền lãi tương ứng của **PSI**.
- 6.1.2** **Khách hàng** nộp tiền mặt vào TK GDKQ và đề nghị tất toán một phần hoặc toàn bộ giá trị khoản vay và tiền lãi tương ứng của **PSI**.
- 6.1.3** **PSI** thực hiện bán chứng khoán trong TK GDKQ để tất toán trước hạn một phần hoặc toàn bộ giá trị khoản vay và tiền lãi tương ứng của **PSI**. Tuy nhiên phải thông báo cho khách hàng theo Quy định tại 8.1.2
- 6.1.4** **PSI** tiến hành các biện pháp xử lý khi TK GDKQ của Khách hàng rơi vào quy định tại khoản 1.29 Điều 1 và/hoặc các khoản vay đã hết thời hạn vay, trừ trường hợp **Khách hàng** có đề nghị gia hạn và được **PSI** chấp thuận, đề nghị gia hạn của **PSI** phải gửi tới **PSI** trước 05 ngày làm việc so với ngày đến hạn thanh toán.
- 6.2** Khi tiền phát sinh tăng trên tài khoản giao dịch ký quỹ (ví dụ như: nộp tiền mặt, tiền cổ tức, tiền bán chứng khoán tự động về trên tài khoản của **Khách hàng** vào ngày T+2), **Khách hàng** mặc nhiên thừa nhận quyền của **PSI** được thu hồi giá trị khoản vay và tiền lãi tương ứng theo trật tự ưu tiên về thời gian sau khi trừ phí giao dịch và thuế thu nhập, cụ thể như sau:
- 6.2.1** Trong mọi trường hợp và không phụ thuộc vào kết quả hợp tác đầu tư, **PSI** được hoàn trả lại phần giá trị khoản vay, lần lượt từ khoản vay có ngày đến hạn thanh toán gần nhất (với điều kiện số tiền bán chứng khoán hạch toán tự động về trên tài khoản của khách hàng lớn hơn giá trị tiền lãi tính trên số dư còn lại của lần lượt các khoản vay), và tiền lãi tương ứng mỗi lần hoàn trả được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tiền lãi của PSI} = R\% \times \frac{\text{Số dư còn lại của khoản vay}}{\text{Số dư còn lại của khoản vay}} \times \text{Thời hạn vay thực tế}$$

Trong đó:

- R% là lãi suất cho vay của **PSI**, theo định nghĩa tại Điều 1
 - Thời hạn vay thực tế: là số ngày vay thực tế của giá trị khoản vay còn lại tính đến thời điểm hoàn trả
- 6.2.2** **Khách hàng** được nhận toàn bộ phần tiền còn lại sau khi đã trừ đi các khoản phí giao dịch, thuế và các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán và tự chịu trách nhiệm về khoản lỗ nếu có.
- 6.3** Thu tiền lãi định kỳ: Định kỳ vào ngày làm việc cuối tháng, **PSI** tính toán tiền lãi tương ứng với các khoản vay của **PSI** còn hiệu lực tại ngày làm việc cuối cùng của tháng. Tiền lãi định kỳ hàng tháng cho **PSI** được tính từ ngày ngày đầu tiên của tháng hoặc từ ngày **PSI** giải ngân khoản vay hoặc từ ngày gần nhất thực hiện thanh lý một phần khoản vay, tùy ngày nào muộn hơn. **Khách hàng** có trách nhiệm duy trì số dư tiền mặt đủ để thanh toán tiền lãi định kỳ hàng tháng vào ngày làm việc cuối cùng của tháng. Sau khi **PSI** thu tiền lãi định kỳ hàng tháng trên tài khoản của **Khách hàng**, thì số tiền lãi đã thu được khấu trừ vào tiền lãi cho **PSI** tại thời điểm tất toán khoản khoản vay. Trường hợp **Khách hàng** không có đủ tiền để thanh toán vào ngày thu tiền lãi định kỳ, **PSI** sẽ thực hiện xử lý theo khoản 5.2 Điều 5 của Hợp đồng này.
- 6.4** Phạt chậm thanh toán: Trong trường hợp **Khách hàng** thanh toán chậm khoản vay của **PSI** theo quy định của Hợp đồng này, **Khách hàng** sẽ phải chịu khoản tiền phạt trả chậm tối đa bằng 0.1%/ngày đối với tổng số tiền đến hạn thanh toán bị trả chậm.

ĐIỀU 7: QUYỀN LỢI PHÁT SINH TỪ TÀI KHOẢN KÝ QUỸ

Trong thời hạn vay ký quỹ, toàn bộ quyền lợi phát sinh từ TK GKKQ bao gồm quyền nhận cổ tức, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu phát hành thêm và các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Tổ chức phát hành thuộc về Khách hàng. Tuy nhiên, **Khách hàng** phải đảm bảo CMR và/hoặc CMR giả lập không nhỏ hơn MMR vào ngày giao dịch không hưởng quyền.

ĐIỀU 8: NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA CÁC BÊN

8.1. Nghĩa vụ và quyền lợi của PSI:

8.1.1 Nghĩa vụ của PSI:

8.1.1.1 Chuyển tiền cho vay ký quỹ đầy đủ và đúng hạn theo đúng các tham số liên quan mà PSI đã công bố.

8.1.1.2 Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Hợp đồng này.

8.1.2 Quyền của PSI:

8.1.2.1 Được nhận lại đầy đủ giá trị các khoản vay và tiền lãi theo quy định tại Hợp đồng này;

8.1.2.2 Được rút phần giá trị cho vay trước hạn và yêu cầu Khách hàng thanh toán toàn bộ số tiền lãi và các nghĩa vụ tài chính phát sinh vào bất kỳ thời điểm nào theo quy định tại Hợp đồng này khi PSI thông báo tới Khách hàng trước 1 ngày làm việc. Trường hợp Khách hàng không thanh toán được phần giá trị gốc PSI đã cho vay cũng như lãi và các nghĩa vụ tài chính phát sinh sau 01 ngày làm việc PSI có quyền bán xử lý tài sản thế chấp theo mục 5.2 của Hợp đồng này và thực hiện thu hồi tiền vay và tiền lãi cho vay theo Điều 6 của Hợp đồng này;

8.1.2.3 Được quyền sao kê số dư và tình trạng của TK GDKQ của Khách hàng;

8.1.2.4 Có quyền thực hiện lệnh bán chứng khoán trên tài khoản giao dịch của Khách hàng để thu hồi khoản vay và tiền lãi được hưởng khi xảy ra trường hợp TK GDKQ rơi vào tình trạng xử lý mà không cần có xác nhận của Khách hàng về việc có nhận được thông báo bổ sung tài sản đảm bảo từ PSI hay không.

8.1.2.5 Có quyền tự động điều chuyển tiền, tài sản giữa tài khoản chính và các tài khoản phụ của Khách hàng mở tại PSI khi cần thiết mà không cần có sự đồng ý của Khách hàng.

8.1.2.6 Trong các trường hợp đặc biệt khi phải bán xử lý tài khoản của Khách hàng và tài sản của Khách hàng theo quyết định của cơ quan pháp luật, PSI được quyền ưu tiên thanh toán các nghĩa vụ nợ trước tiên.

8.1.2.7 Được quyền yêu cầu Khách hàng sử dụng mọi tài sản và nguồn thu khác của Khách hàng để trả nợ gốc và lãi cho PSI trong trường hợp tài sản bảo đảm hoặc bảo lãnh không đủ để trả nợ gốc và lãi cho PSI.

8.1.2.8 Không cần sự chấp nhận của Khách hàng, PSI được toàn quyền chuyển giao hoặc chuyển nhượng cho Bên thứ 3 (gọi tắt là Bên nhận chuyển nhượng) thực hiện toàn bộ hoặc một phần các quyền và nghĩa vụ của PSI theo quy định của bản Hợp đồng này và các Hợp đồng, các phụ lục sửa đổi, bổ sung, thỏa thuận kèm theo bao gồm quyền đòi các khoản nợ gốc, thụ hưởng tiền lãi phát sinh, Nợ quá hạn, lãi nợ quá hạn và các chi phí khác (nếu có).

8.1.2.9 Các quyền khác theo quy định của Pháp luật, theo các điều khoản của Hợp đồng này.

8.2. Nghĩa vụ và quyền lợi của Khách hàng:

8.2.1. Nghĩa vụ của Khách hàng:

8.2.1.1 Khách hàng cam kết toàn bộ tài sản được đánh giá để tính sức mua và tính tỷ lệ ký quỹ CMR, CMR giả lập thuộc quyền sở hữu hợp pháp và duy nhất của Khách hàng, đồng thời không bị cầm cố và đảm bảo cho bất kỳ nghĩa vụ nào của Khách hàng hoặc của bất kỳ bên thứ ba nào dưới mọi hình thức; Khách hàng sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của tài khoản hợp tác này và bồi thường mọi thiệt hại phát sinh liên quan cho PSI trong trường hợp Khách hàng vi phạm các điều khoản đã cam kết.

8.2.1.2 Khách hàng có nghĩa vụ thực hiện kiểm tra thông tin giao dịch lệnh, thông tin khoản cho vay của PSI, tỷ lệ ký quỹ hiện thời, tỷ lệ ký quỹ giả lập và các dịch vụ khác hàng ngày qua hệ thống giao dịch của PSI. Mọi vấn đề thắc mắc của Khách hàng đối với các thay đổi về số dư giá trị cho vay của PSI, về tiền lãi mà PSI được hưởng hoặc qua các giao dịch bán chứng khoán chỉ có giá trị để PSI xem xét khi Khách hàng gửi thắc mắc vào ngày giao dịch kế tiếp so với ngày có khoản phát sinh đó. Khách hàng xác nhận rằng Khách hàng đã được PSI hướng dẫn và hiểu rõ phân hệ cho vay ký quỹ và các rủi ro phát sinh của PSI. Khi tài khoản của Khách hàng rơi vào tình trạng cảnh báo, Khách hàng chủ động bổ sung tài sản theo quy định của PSI để tài khoản không nằm trong tình trạng cảnh báo, xử lý và /hoặc khoản vay ký quỹ hết kỳ hạn hợp tác và/ hoặc không thanh toán lãi định kỳ hàng tháng mà không cần có sự thông báo của PSI.

8.2.1.3 Tự chịu trách nhiệm về mọi khoản lỗ của phương án đầu tư nếu có.

8.2.1.4 Trong mọi trường hợp phải thanh toán đúng hạn và đầy đủ khoản vay và tiền lãi cho PSI được hưởng theo quy định của Hợp đồng này.

8.2.1.5 Chấp thuận vô điều kiện việc PSI bán chứng khoán trong tài khoản chứng khoán khi hết thời hạn hợp tác và tự động chuyển tiền ra khỏi tài khoản để thu hồi giá trị khoản vay và tiền lãi của PSI được hưởng, mức lãi suất áp dụng từ ngày hết hạn khoản vay ký quỹ đến ngày thực hiện thanh lý là mức lãi suất quá hạn.

- 8.2.1.6** Chấp thuận vô điều kiện việc **PSI** bán chứng khoán trong tài khoản chứng khoán (cả tài khoản ký quỹ và tài khoản chính) bất kỳ thời điểm nào ngay khi tài khoản rơi vào tình trạng xử lý để thu hồi đủ khoản vay và tiền lãi của **PSI**.
- 8.2.1.7** Chấp thuận vô điều kiện việc **PSI** sao kê tình trạng tài khoản chứng khoán khi thực hiện các biện pháp xử lý khi tình trạng cảnh báo hoặc xử lý xảy ra
- 8.2.1.8** Trong trường hợp tổng tài sản trên tài khoản giao dịch ký quỹ của Khách hàng sau khi đã bán chứng khoán thế chấp không đủ bù đắp dư nợ ký quỹ thì Khách hàng có nghĩa vụ phải bổ sung thêm tài sản hoặc tiền nhằm đảm bảo thanh toán cho phần vay nợ còn lại. Trường hợp Khách hàng không thực hiện việc thanh toán phần nợ vay còn lại thì **PSI** có quyền tiến hành thủ tục khởi kiện theo quy định pháp luật.
- 8.2.1.9** Đã được **PSI** giải thích rõ và đã hiểu rõ về các rủi ro phát sinh khi thực hiện giao dịch ký quỹ trên tài khoản ký quỹ
- 8.2.1.10** Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Hợp đồng này.
- 8.2.2. Quyền của Khách hàng:**
- 8.2.2.1** Nhận toàn bộ lợi nhuận của kết quả giao dịch ký quỹ sau khi đã trả cho **PSI** giá trị khoản vay và tiền lãi theo quy định của Hợp đồng này;
- 8.2.2.2** Được hưởng toàn bộ các quyền lợi phát sinh từ tài khoản ký quỹ bao gồm nhưng không giới hạn quyền hưởng cổ tức, quyền mua chứng khoán phát hành thêm, quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, cho ý kiến bằng văn bản và các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Tổ chức phát hành;
- 8.2.2.3** Được quyền yêu cầu **PSI** thanh lý khoản vay trước hạn mà không phải chịu bất kỳ khoản phí thanh toán trước hạn nào;
- 8.2.2.4** Các quyền khác theo quy định của Pháp luật, theo các điều khoản của Hợp đồng này.

ĐIỀU 9: BẢO MẬT THÔNG TIN

- 9.1** Các Bên cam kết rằng các thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan do một Bên cung cấp cho Bên kia sẽ không được tiết lộ cho bất kỳ bên nào khác. Các Bên phải tiến hành các biện pháp cần thiết để bảo mật các thông tin, tài liệu đó; và chỉ được tiết lộ theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định pháp luật.
- 9.2** Trong quan hệ với bên khác có liên quan đến Hợp đồng này, các Bên sẽ thỏa thuận rõ về các thông tin cần được tiết lộ; các thông tin không được tiết lộ sẽ được giữ kín và thực hiện theo các quy định trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 10: THÔNG BÁO

- 10.1** Tất cả thông báo và tài liệu giao dịch giữa các Bên được gửi theo địa chỉ nêu trong Hợp đồng này và có chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của các bên, sẽ có hiệu lực, và được xem như đã được giao và nhận;
- 10.2** Các thông báo và tài liệu giao dịch bằng fax giữa các bên có chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của các bên cũng được coi là có hiệu lực khi được gửi đi từ số fax nêu tại Hợp đồng này.
- 10.3** Các Bên có thể thay đổi địa chỉ cho mục đích của Điều này bằng các thông báo bằng văn bản cho Bên kia.
- 10.4** Các thông báo và tài liệu giao dịch bằng phương tiện điện tử cũng có giá trị pháp lý như tài liệu gốc giữa hai bên.

ĐIỀU 11: LUẬT ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 11.1** Hợp đồng này được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam. Các điều khoản và điều kiện khác không ghi trong Hợp đồng này hoặc những vấn đề chưa được đề cập đến trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.
- 11.2** Mọi tranh chấp phát sinh từ việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này được các Bên giải quyết bằng thương lượng, hòa giải. Nếu việc thương lượng, hòa giải không thành, các Bên nhất trí đưa vụ việc giải quyết tại tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng Bên thua kiện sẽ phải chịu án phí.

ĐIỀU 12: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 12.1** Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi một trong Hai Bên có đề nghị thanh lý bằng văn bản và đã hoàn tất các nghĩa vụ tài chính đối với các khoản vay phát sinh từ hợp đồng này. Hợp đồng này có thể được sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh bằng văn bản. Các văn bản thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Hợp đồng nguyên tắc này (nếu có), sẽ cấu thành một bộ phận không tách rời của Hợp đồng và ràng buộc trách nhiệm đối với các Bên.

- 12.2** Trường hợp bất kỳ quy định nào tại Hợp đồng này không có hiệu lực, thì tính hiệu lực của các quy định còn lại của Hợp đồng này sẽ không bị ảnh hưởng theo bất kỳ hình thức nào.
- 12.3** Trong các trường hợp sau, PSI được quyền chủ động bán và thanh lý các khoản vay phát sinh từ hợp đồng này:
- (i) Khách hàng chết hoặc mất tư cách pháp nhân;
 - (ii) Có dấu hiệu **Khách hàng** bị phá sản, tịch thu Giấy phép kinh doanh và/hoặc các khó khăn lớn về tài chính dẫn đến hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng nghiêm trọng;
 - (iii) Khách hàng bị khởi tố;
- 12.4** Hợp đồng này, được lập thành ba (03) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, PSI giữ 02 (hai) bản, **Khách hàng** giữ một (01) bản.